



# **SPORTS AND GAMES**

## VOCABULARY

New words	Transcription		Meaning
athlete	/ˈæθ.liːt/	(n)	vận động viên
basketball	/'ba:.skɪt.bɔ:l/	(n)	môn bóng rổ
boat	/bəʊt/	(n)	con thuyền
career	/kəˈrɪər/	(n)	nghề nghiệp, sự nghiệp
congratulation	/kən græt.jʊ ˈleɪ.ʃən/	(n)	sự chúc mừng
elect	/ɪˈlekt/	(v)	lựa chọn, bầu chọn
equipment	/ɪˈkwɪp.mənt/	(n)	thiết bị, dụng cụ
exhausted	/ıgˈzɔː.stɪd/	(adj)	mệt nhoài, mệt lử
fantastic	/fænˈtæs.tɪk/	(adj)	tuyệt diệu
fit	/fɪt/	(adj)	mạnh khoẻ
goggles	/ˈɡɒɡ.l ːz/	(n)	kính (để bơi)
gym	/dʒɪm/	(n)	trung tâm thể dục
last	/la:st/	(v)	kéo dài
marathon	/ˈmær.ə.θən/	(n)	cuộc đua ma-ra-tông
racket	/ˈræk.ɪt/	(n)	cái vợt (cầu lông)
regard	/rɪˈɡɑːd/	(v)	coi là
ring	/rɪŋ/	(n)	sàn đấu (boxing)
skateboard	/ˈskeɪt.bɔːd/	(n, v)	ván trượt, trượt ván
ski	/ski:/	(v, n)	trượt tuyết, ván trượt tuyết
skiing	/ˈskiː.ɪŋ/	(n)	môn trượt tuyết
sports	/spɔ:ts_kɒm.pə		cuộc đua thể thao
competition	'tı∫.ən/		
sporty	/ˈspɔː.ti/	(adj)	khoẻ mạnh, dáng thể thao
volleyball	/ˈvɒl.i.bɔːl/	(n)	môn bóng chuyền

## GRAMMAR

## I. Past simple (Thì quá khư đơn)

## 1. Cách dùng

- Thì quá khứ đơn được dùng để diễn tả một hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

## 2. Dạng thức của thì quá khứ đơn

Công thức thì quá khứ đơn với động từ to be
 Thể khẳng định (Positive form)
 I / She/ He / It + was
 We / You / They + were
 Ví dụ: She was in the office an hour ago. (Cô ấy ở trong văng phòng cách đây một tiếng)
 Thể phủ định (Negative form)
 I / She/ He / It + was not
 We / You / They + were not
 Ví dụ: They weren't at home yesterday. (Họ không ở nhà hôm qua.)
 Thể nghi vấn (Question form)

Was + I / she/ he / it ...?

Were + we / you / they?
Trả lời: Nga Lýcho (thư yang Nga Lýcho (thư yang mới
Yes, I / she/ he / it + was No, I / she/ he / it + wasn't
Yes, we / you / they + were No, we / you / they + weren't
Ví dụ: Were they in the room ten minutes ago?
(Họ ở trong phòng bạn cách đây mười phút phải không?) Mag thangang (Mag thangang t
Yes, they were / No, they weren't
(Vâng, đúng rồi / Không , không phải)
4 Công thức thì quá khứ đơn với động từ thường Thể khẳng định (Positive form)
I / She/ He / It / We / You / They + V2/ed
<b>Ví dụ:</b> She visited an old friend last Sunday.
(Cô ấy thăm một người bạn cũ vào Chủ Nhật tuần trước.)
Quy tắc thêm "ed"
- Thông thường ta thêm "ed" vào sau động từ.
<b>walk</b> $\rightarrow$ walked roll $\rightarrow$ rolled inform $\rightarrow$ informed
<ul> <li>Tận cùng của động từ là "e" ta chỉ cần thêm "d"</li> </ul>
$ive \rightarrow lived$ invite $\rightarrow invited$ share $\rightarrow shared$
- Tận cùng của động từ là y:
Nếu trước <b>y</b> là một nguyên âm <b>(a,e,i,o,u</b> ) ta thêm <b>ed</b> bình thường.
nlar nlarad star stared dalar
$\begin{array}{cccccccccccccccccccccccccccccccccccc$
Nếu trước <b>y</b> là phụ âm ta đổi <b>y</b> thành <b>i</b> rồi thêm <b>ed</b>
study $\rightarrow$ studied satisfy $\rightarrow$ satisfied reply $\rightarrow$ replied
- Nếu động từ có một âm tiết, tận cùng là một phụ âm, trước phụ âm có một nguyên
âm, ta nhân đôi phụ âm cuối rồi thêm <b>ed</b>
stop $\rightarrow$ stopped plan $\rightarrow$ planned
Ngoại lệ:
travel $\rightarrow$ travelled prefer $\rightarrow$ preferred permit $\rightarrow$ permitted
Động từ bất quy tắc
come $\rightarrow$ came (đến)
$come \rightarrow came$ (đến)
come → came (đến) drive → drove (lái)
come $\rightarrow$ came(đến)drive $\rightarrow$ drove(lái)go $\rightarrow$ went(đi)
come $\rightarrow$ came(đến)drive $\rightarrow$ drove(lái)go $\rightarrow$ went(đi)know $\rightarrow$ knew(biết)
$\begin{array}{llllllllllllllllllllllllllllllllllll$
$\begin{array}{llllllllllllllllllllllllllllllllllll$
$come \rightarrow came$ (dến) $drive \rightarrow drove$ (lái) $go \rightarrow went$ (dī) $know \rightarrow knew$ (biết) $run \rightarrow ran$ (chạy) $say \rightarrow said$ (nói)
$come \rightarrow came$ (dến) $drive \rightarrow drove$ (lái) $go \rightarrow went$ (dī) $know \rightarrow knew$ (biết) $run \rightarrow ran$ (chạy) $say \rightarrow said$ (nói) $take \rightarrow took$ (lấy)Thể phủ định (Negative form)
$come \rightarrow came (dến)$ $drive \rightarrow drove (lái)$ $go \rightarrow went (di)$ $know \rightarrow knew (biết)$ $run \rightarrow ran (chạy)$ $say \rightarrow said (nói)$ $take \rightarrow took (lấy)$ Thể phủ định (Negative form) I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )
come $\rightarrow$ came(đến)drive $\rightarrow$ drove(lái)go $\rightarrow$ went(đi)know $\rightarrow$ knew(biết)run $\rightarrow$ ran(chạy)say $\rightarrow$ said(nói)take $\rightarrow$ took(lấy)Thể phủ định (Negative form)I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )Ví dụ:He didn't come to the club last month.
come       → came       (đến)         drive       → drove       (lái)         go       → went       (đi)         know       → knew       (biết)         run       → ran       (chạy)         say       → said       (nói)         take       → took       (lấy)         Thể phủ định (Negative form)         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )         Ví dụ: He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)         Thể nghi vấn (Question form)
come       → came       (đến)         drive       → drove       (lái)         go       → went       (đi)         know       → knew       (biết)         run       → ran       (chạy)         say       → said       (nói)         take       → took       (lấy)         Thể phủ định (Negative form)       I         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )         Ví dụ:       He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)
come       → came       (đến)         drive       → drove       (lái)         go       → went       (đi)         know       → knew       (biết)         run       → ran       (chạy)         say       → said       (nói)         take       → took       (lấy)         Thể phủ định (Negative form)       I         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )         Ví dụ:       He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)         Thể nghi vấn (Question form)         Did + I / she/ he / it / we / you / they + V (nguyên thể)
come       → came       (đến)         drive       → drove       (lái)         go       → went       (đi)         know       → knew       (biết)         run       → ran       (chạy)         say       → said       (nói)         take       → took       (lấy)         Thể phủ định (Negative form)       I         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )         Ví dụ: He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)         Thể nghi vấn (Question form)         Did + I / she/ he / it / we / you / they + V (nguyên thể)         Trả lời
come       → came (đến)         drive       → drove (lái)         go       → went (đi)         know       → knew (biết)         run       → ran (chạy)         say       → said (nói)         take       → took (lấy)         Thể phủ định (Negative form)         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )         Ví dụ: He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)         Thể nghi vấn (Question form)         Did + I / she/ he / it / we / you / they + V (nguyên thể)         Trả lời         Yes, I / she/ he / it / we / you / they + did
come       → came       (đến)         drive       → drove       (lái)         go       → went       (đi)         know       → knew       (biết)         run       → ran       (chạy)         say       → said       (nói)         take       → took       (lấy)         Thể phủ định (Negative form)       I         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )         Ví dụ: He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)         Thể nghi vấn (Question form)         Did + I / she/ he / it / we / you / they + V (nguyên thể)         Trả lời         Yes, I / she/ he / it / we / you / they + did         No, I / she/ he / it / we / you / they + didn't
$come \rightarrow came (dến)$ $drive \rightarrow drove (lái)$ $go \rightarrow went (di)$ $know \rightarrow knew (biết)$ $run \rightarrow ran (chạy)$ $say \rightarrow said (nói)$ $take \rightarrow took (lấy)$ <b>Thể phủ định (Negative form) I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể ) Ví dụ:</b> He didn't come to the club last month. (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.) <b>Thể nghi vấn (Question form) Did + I / she/ he / it / we / you / they + V (nguyên thể) Trả lời Yes, I / she/ he / it / we / you / they + did No, I / she/ he / it / we / you / they + did</b> n't <b>Ví dụ:</b> Did he miss the bus yesterday? (Hôm qua cậu ấy
come       → came       (đến)         drive       → drove       (lái)         go       → went       (đi)         know       → knew       (biết)         run       → ran       (chạy)         say       → said       (nói)         take       → took       (lấy)         Thể phủ định (Negative form)       I         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể)         Ví dụ: He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)         Thể nghi vấn (Question form)         Did + I / she/ he / it / we / you / they + V (nguyên thể)         Trả lời         Yes, I / she/ he / it / we / you / they + didn't         Ví dụ: Did he miss the bus yesterday?       (Hôm qua cậu ấy         nhõ xe buýt phải không?)       Yes, he did / No, he didn't         Yes, he did / No, he didn't       (Vâng, đúng vậy / Không, không phải)         3. Dấu hiệu nhận biết       It way the state
come       → came       (đến)         drive       → drove       (lái)         go       → went       (đi)         know       → knew       (biết)         run       → ran       (chạy)         say       → said       (nói)         take       → took       (lấy)         Thể phủ định (Negative form)       I         I / She/ He / It / We / You / They + did not + V (nguyên thể )         Ví dụ: He didn't come to the club last month.         (Tháng trước cậu ấy không đến câu lạc bộ.)         Thể nghi vấn (Question form)         Did + I / she/ he / it / we / you / they + V (nguyên thể)         Trả lời         Yes, I / she/ he / it / we / you / they + did         No, I / she/ he / it / we / you / they + didn't         Ví dụ: Did he miss the bus yesterday?       (Hôm qua cậu ấy         nhõ xe buýt phải không?)       Yes, he did / No, he didn't         Yes, he did / No, he didn't       (Vâng, đúng vậy / Không, không phải)

- yesterday (hôm qua)

- last night/ last week / last month / last year (tối qua/ tuần trước/ tháng trước/ năm ngoái)

- ago (cách đây): two hours ago (cách đây 2 giờ); two days ago (cách đây 2 ngày)

- in the past (trong quá khứ)

II. Imperatives (Thể mệnh lệnh)

Thể mệnh lệnh thường được dùng để đưa ra các mệnh lệnh, yêu cầu, đề nghị, ...

4 Thể khẳng định (Positive form)

Trong câu khẳng định ( hoặc xác định) thì động từ đứng đầu câu, chủ ngữ **You** bị lược bỏ.

Ví dụ: Come here! (Đến đây!)

Be quiet! (Hãy yên lặng)

## 4 Thể phủ định (Negative form)

Trong câu phủ định ta chỉ cần thêm trợ động từ ở thể phủ định trước động từ.

Ví dụ: Don't open the door! (Đừng mở cửa!)

Don't hurry! (Đừng vội!)

## PRONUNCIATION

## I. Short vowel /e/ (Nguyên âm ngắn /e/)

- "a" được phát âm là /e/

Examples	Transcription	Meaning
many	/meni/	nhiều
anyone	/eniw∧n /	bất kỳ ai

- "e" phát âm là /e/ khi nó nằm trong những từ một âm tiết có tận cùng là một hay nhiều phụ âm (trừ "r")- air, are

Examples	Transcription	Meaning
get	/get/	có, trở nên
bread	/bred/	bánh mì

## - "ea" được phát âm là /e/ trong một số trường hợp

Examples	Transcription	Meaning
heavy	/hevi/	nặng
breakfast	/'brekfəst/	bữa sáng

## II. Short vowel /æ/ (Nguyên âm ngắn/æ/)

"a" được phát âm là /æ/ trong các trường hợp:

#### - Trong những từ có một âm tiết mà tận cùng bằng một hay nhiều phụ âm Fyamples Transcription Meaning

Examples	Transcription	Meaning
hat	/hæt/	cái mũ
sad	/sæd/	buồn

- Khi ở trong một âm tiết được nhấn mạnh của một chữ có nhiều âm tiết và đứng trước hai phụ âm

Examples	Transcription	Meaning
candle	/ˈkændl/	cây nến
captain	/ˈkæptɪn/	đại úy, thuyền trưởng



## PRACTICE

I. Listen to the short talk twice and circle the correct answer to each of the following questions

**1.** Does Rita play sports on the weekend?

						_	
	s, he does B does she do on	-	C. No, he do	besn't	D. No sh	ne does	sn't
	tch favorite pro		B. play gam	es			
	en to music on		D. go fishing				
	Rod play sports s, he does B	? . Yes, she does	C. No, he do	nesn't	D. No sh	ne does	an't
	is his favorite s	•	0. 1 <b>10</b> , ne ut		D. 110 31		511 0
	5	. basketball	C. tennis		D. volley		
	n to the mono e or False.	logue twice and	decide wheth	her the l	tollowing	sente	nces
	an loves exerci	se.			Т	F	
		y tennis every We		,	Т	P	F
	es cycling in hi es playing base	is neighbourhood	on the weeken	ds.	T T	F F	
					1	T	
B	PHONETICS	S					
I. Put th	e words into t	two groups (/æ /	and /e/)				
	b <u>a</u> d	b <u>e</u> nd	d <u>ea</u> d	cont	<u>e</u> st		
	b <u>e</u> d h <u>a</u> t	m <u>e</u> n stand	l <u>e</u> nd Dad	l <u>a</u> nd frien	d		
	แลเ	stano	Dao				
				_			
	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket	<u>e</u> xercise b <u>a</u> nd	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	<b>'e</b>		
	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d	<u>e</u> xercise b <u>a</u> nd t <u>e</u> st	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n l <u>e</u> mon	<u>a</u> ctiv	<b>'e</b>		
	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket	exercise b <u>a</u> nd	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	<b>'e</b>		
(	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d	<u>e</u> xercise b <u>a</u> nd t <u>e</u> st	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n l <u>e</u> mon	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	<b>'e</b>		
,	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d m <u>ea</u> sure	<u>e</u> xercise b <u>a</u> nd t <u>e</u> st	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n l <u>e</u> mon	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	re		\
	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d m <u>ea</u> sure	<u>e</u> xercise b <u>a</u> nd t <u>e</u> st	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n l <u>e</u> mon	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	re		
	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d m <u>ea</u> sure	<u>e</u> xercise b <u>a</u> nd t <u>e</u> st	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n l <u>e</u> mon	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	re		 
	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d m <u>ea</u> sure	<u>e</u> xercise b <u>a</u> nd t <u>e</u> st	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n l <u>e</u> mon	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	re		
	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d m <u>ea</u> sure	exercise band test leisure	tennis man lemon match	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	re		
    line.	b <u>ag</u> r <u>a</u> cket h <u>ea</u> d m <u>ea</u> sure	exercise band test leisure	t <u>e</u> nnis m <u>a</u> n l <u>e</u> mon	<u>a</u> ctiv h <u>ea</u> d	re		
<b>1.</b> A. c <u>e</u> le	bag r <u>a</u> cket h <u>ead</u> measure /æ/	exercise band test leisure	tennis man lemon match	activ h <u>ea</u> d p <u>a</u> n	/e/		
<ol> <li>A. c<u>el</u></li> <li>A. f<u>a</u>m</li> </ol>	bag r <u>a</u> cket h <u>ead</u> m <u>easure</u> /æ/	exercise band test leisure	tennis man lemon match	activ h <u>ea</u> d p <u>a</u> n	/e/ D. r <u>e</u> lati	1	
<ol> <li>A. cele</li> <li>A. fan</li> <li>A. wee</li> </ol>	bag racket head measure /æ/ /æ/ ebrate B nily B ekend B	exercise band test leisure	tennis man lemon match 	activ h <u>ea</u> d p <u>a</u> n	pe /e/ D. relati D. afford D. conte	l st	
<ol> <li>A. c<u>el</u></li> <li>A. f<u>a</u>m</li> </ol>	bag racket head measure /æ/ /æ/ ebrate B nily B ekend B nily B	exercise band test leisure 	tennis man lemon match	activ h <u>ea</u> d p <u>a</u> n	/e/ D. r <u>e</u> lati	d st thon	
<ol> <li>A. c<u>el</u></li> <li>A. fan</li> <li>A. wee</li> <li>A. fan</li> </ol>	bag racket head measure /æ/ /æ/ ebrate B nily B ekend B nily B ver B ver B	exercise band test leisure	tennis man lemon match 	activ h <u>ea</u> d p <u>a</u> n	pe /e/ D. relati D. afford D. conte D. marat	l st thon et	

C. character

C. badminton

C. last

C. special

C. happen

C. animal

#### Bài tập Tiếng Anh 6 theo đơn vị bài học (Global Success)

B. channel

B. fantastic

B. progr<u>a</u>mme

B. female

B. <u>a</u>ctive

B. fast

8. A. animated

**11.** A. fantastic

**10.** A. ev<u>e</u>nt

**12.** A. m<u>a</u>ny

**13.** A. last

9. A. congr<u>a</u>tulation

D. <u>appear</u>

D. karate

D. match

D. class

D. marathon

D. sentence

<ol> <li>A. talent</li> <li>A. racket</li> <li>A. champion</li> </ol>	B. contest		C. around C. football C. amaze		D. swimming D. begin D. complete
<ul><li>6. A. volleyball</li><li>7. A. player</li><li>D. relax</li></ul>	B. equipme	ent			D. marathon C. athlete
<ol> <li>A. champion</li> <li>A. playground</li> <li>A. fantastic</li> </ol>	B. paddle		C. cvcling		D. interesting D. regard D.
skateboarding					
			ΙΟΝΙ		
I. Fill in each bla	nk with a wo	rd from th	ne box.		
			champion		
<b>1.</b> He became the y	oungest Olym	npic	for	80 years	5.
2. Thousands of stu	idents entered	d the natio	nal public spe	aking	
<ul><li><b>3.</b> I'm not</li><li><b>4.</b> My sister goes to</li></ul>	I do	n't do exer	cise or play ar	ny sports	•
<b>4.</b> My sister goes to	o her	cl	ass every day.	She love	es exercises with
music.				_	
5. Nam plays	as	s a hobby. I	He likes any b	oard gan	ne.
II. Choose the co	rect answer	S А, В, С,	or D to finish	ı the sei	itences.
<ol> <li>You must learn t A. rules</li> </ol>	he Blaws	of the gan	C agreemen	ing. ts	D savings
2. Weto	Ho Chi Minh	for our las	st summer vac	ation.	D. Sayings
Α. αο	B. went	ior our iuc	C. goed		D. will go
A. go 3Liz bu	iv a lot of sour	venirs for h	ner friends?		Di mii go
A. Did	B. Do		C. Were		D. Is
4. Johnr A. doesn't	return to Ame	rica last w	eek.		
A. doesn't	B. isn't		C. didn't		D. wasn't
5. Last weekend Ph	iong and Lan		their grandpa	rents.	
A. visit 6. All of us A. were	B. is visitin	ıg	C. will visit		D. visited
6. All of us	at home ye	esterday ev	vening.		-
A. were	B. was		C. did		D. are
7. You have to thro	w the ball into	o the net w	hen you play		 
A. basketball					D. badminton
8. Thanh is a good	B defect	ayer. I can	not		D. hit
A. win	of martial		C. COIILI 01		D. IIIt
9. Karate is a form A. fighting	B skill	•	C. sports		D. art
<b>10</b> . This small	is used	to play tak	ole tennis		
10. This small A. racket	B. stick	to play tax	C. bat		D. hoop
<b>11.</b> At weekend we	can plav a	of	f badminton or	r ioin in a	a footall match.
A. sport	B. game		C. match	5	D. exam
<b>12.</b> Football is an	gan	ne.			
A. sport <b>12.</b> Football is an _ A. outdoor	B. indoor		C. individual		D. team
<b>13.</b> Many girls and	women	aerol	bics to keep fit		
A. play	B. go	)	C. do		D. have
14. It's very A. safe 15.What's your fav	$\underline{\qquad}$ to swim t	here. The	water is heavi	ly pollute	ed.
A. sate	B. unsafe	0 111	C. unpopular	•	D. good
15.What's your fav A. subject	ourite	? - I lik	e swimming.		D. sport
A. SUDJEUL	D. game		U. UI IIIK		D. 3h011

<b>16.</b> I play sport very often, so I look veryA. sportB. sports		
A sport B sports	<u> </u>	D. sporting
17. She'd like to watch motor racing beca	use it is verv	
A. frightening B. exciting	C. excited	 D. boring
A. frightening B. exciting <b>18.</b> Team sports are sometimes called	sports.	5
A. compete B. competition	C. competitor	D. competitive
19. My sister is a volleyball play A. badly B. well	ver.	-
A. badly B. well	C. good	D. skillfully
<b>20.</b> Playing sports helps us get		
20. Playing sports helps us get     A. free     B. fat	C. fittest	D. fitter
<b>21.</b> I like watching football matches but I a	am not very good	playing
football.		
A. in B. on 22. Will you comeme this Sund	C. at	D. for
22. Will you come me this Sund	ay morning ?	
A to B for	C. with	D. at
<b>23.</b> run too fast. You may fall.		
A Don't B Do	C. Didn't	D. Did
<b>24.</b> The football match on TV last night	great. Our tea	im lost.
24. The football match on TV last night	C. isn't	D. was
<b>25.</b> You're talking too much.pleA. ContinueB. Don't continue	ease.	
	C. Stop	D. Don't stop
<b>26.</b> Congratulations on your exam result!	C. Thereby you	D. That's free
A. I don't want to. B. No worry	C. Thank you.	D. That's line.
<ul><li>27. Did you play any sport last year?</li><li>A. I didn't know.</li></ul>	P. How about playin	a football?
C. Yes, I did. I played tennis.	B. How about playing	•
<b>28.</b> What do we need to play badminton?	D. We can play ches	5.
A. I think you should stay at home.	B Wo brought a rad	zot
C. We can buy some things.	D. Just two rackets a	
<b>29.</b> Don't eat much fast food.	D. Just two fackets a	ind a shuttlecock.
A. What is that?	B. Thanks for your a	dvice
C. I don't know.	D. Where is my food	
<b>30.</b> Our team won the game yesterday.		•
A. That's a good idea.	B. Congratulations!	C. I know it. D.
Thank you.		
III. Find a mistake in the four underlin	ed parts A, B, C or I	) of each sentence
and correct it.	• · · ·	
1. Last <u>summer</u> my parents <u>buyed</u> me <u>a lot</u>	of different <u>gifts</u> .	
A B C	D	
2. There was many people standing on the	street.	
A B C	D	
3. I <u>ate</u> noodles <u>for</u> dinner, but I <u>wasn't</u> <u>eat</u>	<u>z anything</u> for lunch.	
A B C	D	
4. <u>The food was</u> delicious, but <u>most</u> things	<u>didn't</u> cheap.	
A B C	D	_
5. <u>Did</u> your uncle <u>took</u> you <u>to watch</u> the <u>for</u>	otball match last week	?
A B C	D	
IV. Give the correct form of the words		
1. Stories about people in the	e world of sports are of	ften very interesting. <b>(fame)</b>
2. When you open a newspaper, you'll alwa	avs find a	
- when you open a newspaper, you if alwa	cy 5 minu 6	(inform)
3. Huy's brother is a football	player. isn't he?	(profession)
4. Please listen to the careful	lv.	(instruct)
	-J -	(

5. Did you join the spe	orts last week,	Tom? (compete)
6! Your	team won the first prize.	_

## (congratulate)

7. The in this gym is very m	odern.	(equip)
8. I think sports and games are very	•	(use)
9. The football fans cheered	for their side.	(loud)
<b>10.</b> I did many sports last week and was	- •	(exhaust)

V. Complete each sentence by using the appropriate verbs in the box in the past simple tense.

begin	buy	eat	get up	play
take	visit	walk	watch	write

- My brother \_\_\_\_\_ TV all day yesterday.
   We \_\_\_\_\_ to school last week.
- 3. Mr. Pike \_\_\_\_\_\_ a big hamburger for breakfast.

   4. Mary \_\_\_\_\_\_ her grandparents.
- 5. Peter
   to me two days ago.

   6. John
   chess with his friend.

- 7. Mr. Smith \_\_\_\_\_\_ a new house.8. The tennis match \_\_\_\_\_\_ at half past nine.
- 9. Juliasome photos.10. Vinhlate this morning.

## VI. Match the guestions with the answers.

1. What's your favourite sport?	a. Twice a week.
2. What's your favourite team?	<b>b.</b> No, I don't.
<b>3.</b> Do you do any sports?	c. Yes! It was wonderful.
4. How often do you go to the gym?	d. I like volleyball.
<b>5.</b> Did you enjoy the football match last	e. Tottenham Hotspur.
night?	_

VII. Rearrange the sentences to make a meaningful conversation.

**a.** Yes. I join a basketball club and practise three times a week. I also run for 30 minutes every day in the early morning.

- **b**. Do you usually practise them?
- c. What sports do you like, Andrew?
- **d.** No, I don't. But I enjoy watching basketball.
- e. I like basketball and running.
- **f.** 9.00 in the morning

g. Oh really? I have two tickets for a basketball match tomorrow. Do you want to join me?

- h. Wow! You're very active.
- i. What about you? Do you do any sports?
- **j.** Sure! What time is the event?

#### D READING

#### I. Read the passage and choose the correct answer (A, B, C or D) to each question.

• Serena Williams is an American professional tennis player. She was born in 1981 in Michigan. She is known as one of the greatest female tennis players of all time. She used to be the world No. 1 in both women's singles and doubles tennis. In 1999, she won her first Grand Slam singles title. She started playing tennis when she was very young. She turned professional when she was Just 14 years old. So far, she has had 4 Olympic gold medals and 23 Grand Slam singles titles. With her powerful style, she changed the way women play professional tennis. Her elder sister, Venus

Williams, is very famous too. They play doubles together and they are two women that have the most Grand Slam singles titles among active females.

1. Who does this passage mainly talk about?<br/>A. Serena WilliamsB. Venus WilliamsC. Grand SlamD.Michigan

2 Which sport does she play?

2. Which sport does she play:					
A. tennis	B. table tennis	C. badminton	D. football		
3. When did she become a professional player?					
A. 1994	B. 1993	C. 1999	D. 1995		
4. How many Olympic gold medals has she had so far?					
A. 4	B. 14	C. 23	D. 5		

**5.** Who does Serena Williams team up with?

A. Serena Williams B. Grand Slam C. Venus Williams D. Olympic Gold
There are many ways to exercise. Some require lots of equipment. Others need lots of people. Running doesn't need any of those. It's a great way of exercise.

Running helps your brain work better. It also improves your feelings and sleep. Better sleep helps you healthy. Running also gives you a healthier heart. You may live three years longer. When your body is healthy, it can fight diseases.

Let's go for a nice run! Run with your friends, your family or your dog. Run in the park or in the street in the early morning. You can get some fresh air, enjoy the scenery and keep fit at the same time. Just remember to stretch before you run and cool down after running.

1. Running needs	•			
A. a lot of equipment		B. many people	C. none of theseD.	
many person				
2. Running improves	6			
A. our feelings		B. our sleep		
C. both A and B			D. our feeling and	
sleep				
<b>3.</b> Running can help	us live longer for B. four years	·		
A. three years	B. four years	C. five years	D. two years	
<b>4.</b> We can run in,	B. parks and streets			
A. our house	B. parks and streets	C. our school	D. Both A and B	
<b>5.</b> Don't forget to	ise before running			
A. do some exerci	ise before running	B. cool down after ru	ınning	
C. Both A and B a	ire correct.	D. Both A and B are	incorrect.	
	nd circle the letter A	, B, C, or D to indica	te the correct	
answer to each of				
① According to a study, only6 out of 10 children between 5 and 14 years				
(1) join in sport outside of school. More boys than girls play sport. There				
(2) some benefits of playing sport for children. Firstly, sport helps them				
improve fitness and sleep. When they play sport, they become fitter and (3)				
better. Secondly, sport reduces the risk of obesity. The (4) is they can				
burn calories when playing sport. Finally, when children play sport in teams, they				
	cial skills. They work (	5) their tea	ammates to play well	
and win the game.				
<b>1.</b> A. old	B. young	C. age	D. older	
<b>2.</b> A. is	B. many B. go B. thing	C. are	D. be	
<b>3.</b> A. eat	B. go	C. have	D. sleep	
<b>4.</b> A. word	B. thing	C. reason	D. right	
<b>5.</b> A. with	B. for	C. out	D. against	
There are (1) main kinds of sports: team sports and (2) l sports. Team sports are such sports as baseball, basketball (3) volleyball.				
sports. Team sports are such sports as baseball, basketball (3) volleyball.				
Team sports require two separate teams. The teams play against each other. They				

complete against each other in order (4)\_\_\_\_\_ the best score. For example, in a football game, if team A scores 4 points and team B scores 2 points, team A wins the game. Team sports are sometimes (5) competitive sports. C. three B. two

C. special

C. to get

C. call

C. or

- **1.** A. one
- **2.** A. individual
- **3.** A. and
- **4.** A. to do
  - B. to make
- **5.** A. calling B. having

III. Read the passage and choose the correct answer (A, B, C or D) to each question.

Serena Williams is an American professional tennis player. She was born in 1981 in Michigan. She is known as one of the greatest female tennis players of all time. She used to be the world No. 1 in both women's singles and doubles tennis. In 1999, she won her first Grand Slam singles title. She started playing tennis when she was very young.

B. ordinary

B. because

She turned professional when she was Just 14 years old. So rar, she has had 4 Olympic gold medals and 23 Grand Slam singles titles. With her powerful style, she changed the way women play professional tennis. Her elder sister, Venus Williams, is very famous too. They play doubles together and they are two women that have the most Grand Slam singles titles among active females.

1. Who does this passage mainly talk about?

A. Serena Wil	liams	B. Venus Williams	C. Grand Slam D.
Michigan			
2. Which sport d	oes she play?		
A tonnic	B table tonnic	C hadminton	D football

- A. tennis B. table tennis C. badminton D. football **3.** When did she become a professional player? B. 1993 C. 1999 D. 1995 A. 1994
- 4. How many Olympic gold medals has she had so far? A. 4 B. 14 C. 23
- 5. Who does Serena Williams team up with? C. Venus Williams A. Serena Williams B. Grand Slam D. Olympic Gold

IV. Read the registration form below. Then decide if each statement is true (T) or false (F).

School Basketball Championship, Spring 2021 **TEAM REGISTRATION FORM** 

District: X

School: Summerhill Team name: NIGHT LIGHTNING Coach name: Mike Kruger Dinh Age group: 13-15 Total number of players: 12

**Tournament: Boys** Phone number: 836 848 182 Signature

T E

D. 5

Team captain name: Johnathan

	L	Г
<b>1.</b> The form is for team registration to a basketball		
competition.		
<b>2.</b> The players study in Summerhill Elementary School.		
<b>3.</b> Members of the team are between the ages of 12-15.		
<b>4.</b> All team members are boys.		
5. Johnathan Dinh is the main coach.		
1		

V. Read the passage and answer the questions

## A short history of modern Olympics



Page | 9



- D. four
- D. collective
- D. so

D. called

- D. to play

The modern Olympic Games or Olympics are leading international sporting events. The Olympic Games are held every four years, with the Summer and Winter Games altenating by occurring every four years but two years apart.

The modern Olympic Games began with the creation of the International Olymic Committee (the IOC) in 1894 and Greece was the first country to hold the games, in the city of Athens, in 1896. Fourteen countries with 241 athletes competed in fortythree events. Although some people wanted to have the games in Athens every four years, the IOC decided to have them in different countries and cities. In 1990, they were held in Paris and women were allowed to compete in the games for the first time. The first Winter Olympic Games were held in 1924 and athletes competed in events such as skating and ice hockey. Over 200 countries now compete in the Summer Olympic Games. The number of events has increased to 200 events and instead of five days competition, the games now last for seventeen days.

- 1. When did the first modern Olympic Games begin?
- 2. Where were they held?
- 3. When were the first Winter Games held?
- 4. How many events are there in the Olympic Games?
- **5.** How many days do the games last?

## VI. Fill in each blank with a word from the box.

week friends together when reasons

My favourite sport is badminton. There are three (1) \_\_\_\_\_\_ why I like it. Firstly, I can improve my health by playing it. I play it twice a (2) \_\_\_\_\_\_\_. It makes me feel good everyday. Secondly, I can make many (3) \_\_\_\_\_\_ when I play badminton. I often play it with different people. We can improve our skills and talk about many interesting things (4) \_\_\_\_\_\_ we have a break. Finally, playing badminton is not as hard as other sports such as basketball and football. You can't get hurt easily. So if you like (5) \_\_\_\_\_\_ badminton, please contact me. I think we can play (6) \_\_\_\_\_\_ and make friends.

# **E** WRITING

- I. Write complete sentences. You can change the given words and add necessary words.
- 1. I/ play/ table tennis / my cousin / last Sunday.
- 2. We/play/ each other / for / two hours.
- 3. I/win / two/ game/ and / she/win / three.
- 4. Then/ we/go out / have/ drink/ together.
- 5. It/ be/great/ Sunday/ because / we/have/ good time.

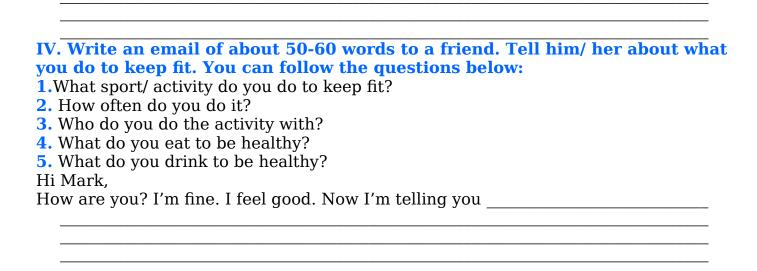
II. Put the words into the correct order

1. you / a/ Did / bring / ball / remember/ to/?

- 2. did/what / home / yesterday / time/ get / you /?
- 3. When / start/ yoga/ did/ practising/you/?
- 4. holiday/ Where/ the / go/ they/ for / did/?
- 5. during /Were/ game/students/ the/the/ excited /?
- 6. playing/ enjoy/ I/ volleyball/ my/ in/ free time.
- 7. sport./ It/ a/ team/ is/
- 8. has/ each team/ six players/ the court/ on/.
- 9. are/ players/ not/ allowed/ the ball/ to catch./ hold/ or throw/
- 10. their hands/ Players/ usually/ or arms/ the ball./ to push or hit/ use/

III. Use the words and phrases given to write a complete paragraph.

There/ reasons/ why l swimming/ so/ popular. // First/ swimming / sport/ all age groups.// Also/ it/ a lifetime activity. // People / can learn / swim/ when / they 14 or 5 years/ or /they/ as old as 50 or 60. I/ Second / swimming/ very cheap. // You/ don't have to/spend/ much money/ it. // All you need / a swimming suit / goggles. // Even though/ you/ may / have to/buy / ticket / swimming pool, l you/ can probably / still / afford/ go swimming/ anytime.



Cheers,